

Số: 05 /CT-UBND

Đồng Nai, ngày 01 tháng 7 năm 2024

CHỈ THỊ
Về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và
dự toán ngân sách nhà nước năm 2025
của tỉnh Đồng Nai

Năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, rủi ro; tình trạng bất ổn an ninh, chính trị tiếp tục leo thang tại một số quốc gia, khu vực, nhất là tại Nga - Ucraina, dải Gaza, Biển Đỏ...khó khăn, thách thức nhiều hơn thuận lợi, thời cơ. Trong nước nói chung và tỉnh Đồng Nai nói riêng, nền kinh tế chịu ảnh hưởng từ bối cảnh kinh tế thế giới, nhất là hoạt động xuất nhập khẩu, sản xuất công nghiệp, thu hút đầu tư,... nhưng bắt đầu có những chuyển biến tích cực, nhờ việc triển khai có hiệu quả, kịp thời các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy trên địa bàn tỉnh.

Năm 2025, là năm có ý nghĩa quan trọng, năm cuối thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ XI; Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh 05 năm 2021-2025. Bên cạnh những thời cơ, thuận lợi tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh cũng đối mặt với những khó khăn và thách thức, đó là: vẫn còn những điểm nghẽn, nhiều khó khăn chậm được khắc phục; hệ thống kết cấu hạ tầng; các vấn đề xã hội, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, an ninh mạng, an ninh nguồn nước; ... tiếp tục gây áp lực lớn đến phát triển kinh tế xã hội.

Thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các doanh nghiệp có vốn nhà nước (gọi chung doanh nghiệp) tập trung triển khai xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2025-2027 với yêu cầu, nhiệm vụ nội dung chủ yếu sau:

A. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2025

I. Yêu cầu

1. Đối với đánh giá kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024

a) Bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp đã đề ra tại Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và theo các Nghị quyết, Kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Hội đồng nhân dân các cấp (đối với các địa phương) về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh năm 2024.

b) Đánh giá sát thực, đúng thực chất tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2024, bao gồm: các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển kinh tế -

xã hội 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2024; đánh giá những kết quả đạt được trong phát triển kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng, môi trường, cải cách hành chính, quốc phòng, an ninh,..., có so sánh với kết quả thực hiện của năm 2023 và các năm 2021-2023; các tồn tại, hạn chế, phân tích kỹ các nguyên nhân (chủ quan và khách quan); các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong những tháng cuối năm để thúc đẩy sản xuất và tăng trưởng, ổn định đời sống nhân dân trong bối cảnh nền kinh tế của tỉnh đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức từ những biến động mạnh của tình hình thế giới.

2. Đối với xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025

a) Kế hoạch của các ngành, địa phương và doanh nghiệp phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá đầy đủ, chính xác tình hình, kết quả đã đạt được trong thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội các năm 2021-2023, ước thực hiện kết quả năm 2024 và dự báo tình hình quốc tế, trong nước; đánh giá, phân tích, dự báo khả năng hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu đề ra tại Kế hoạch 5 năm 2021-2025; tập trung theo dõi, dự báo kịp thời những diễn biến của tình hình thế giới và trong nước để chuẩn bị, sẵn sàng các kịch bản, giải pháp, đối sách phù hợp, hạn chế tối đa những ảnh hưởng tiêu cực có thể xảy ra đến mục tiêu phát triển của ngành, lĩnh vực, địa phương và doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, xác định các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI.

b) Năm 2025 là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025. Các mục tiêu, định hướng và giải pháp đề ra phải bám sát, cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu chiến lược và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, mang tính đột phá, đổi mới mạnh mẽ, quyết liệt, hiệu quả hơn; Các nhiệm vụ, giải pháp phải cụ thể về nội dung, tiến độ thực hiện, thời gian hoàn thành, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, đồng thời phải được lượng hóa rõ ràng như: số km đường cao tốc; số văn bản quy phạm pháp luật được rà soát, xây dựng, hoàn chỉnh; thủ tục hành chính được rút gọn; biên chế được tinh giản...

c) Việc đề xuất các chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực và địa phương: (i) phải thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện; trường hợp chỉ tiêu đề xuất không thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phải đảm bảo tính chính xác, đồng bộ và thống nhất về thông tin, số liệu thống kê trên phạm vi địa bàn tỉnh, phục vụ tốt công tác theo dõi, đánh giá và xây dựng kế hoạch; (ii) bảo đảm khả năng thu thập thông tin, theo dõi liên tục, đánh giá định kỳ; không đề xuất các chỉ tiêu chuyên ngành, phức tạp, chủ yếu phục vụ mục đích nghiên cứu; (iii) bảo đảm tính khả thi, dễ hiểu, có khả năng so sánh với dữ liệu quá khứ; (iv) bảo đảm tính gắn kết chặt chẽ và phản ánh trực tiếp tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu; (v) phù hợp với thông lệ.

II. Nội dung chủ yếu

Các sở, ngành và địa phương căn cứ yêu cầu tại mục I phần A, xây dựng báo cáo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với các nội dung chủ yếu, gồm:

1. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024

Trên cơ sở tình hình triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2024, các sở, ngành, doanh nghiệp và địa phương tổ chức đánh giá và ước thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 trên tất cả các ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, quản lý. Nội dung đánh giá phải đầy đủ, thực chất, chính xác các kết quả đạt được (đặc biệt cần nêu rõ thành tựu nổi bật của năm 2024, so sánh với kết quả thực hiện năm 2023 và thời điểm trước dịch Covid-19); những khó khăn, hạn chế, nguyên nhân để có biện pháp khắc phục, trong đó tập trung đánh giá trong đó tập trung đánh giá tác động của xung đột quân sự Nga - Ucraina, dải Gaza, Biển Đỏ, tình hình lạm phát, tỷ giá, lãi suất, biến động giá cả hàng hóa thế giới (xăng dầu, vàng...), các vấn đề an ninh truyền thống, an ninh phi truyền thống, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, an ninh mạng...; bài học kinh nghiệm trong thực hiện kế hoạch năm 2024... Cụ thể:

a) Các sở, ban, ngành đánh giá Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 07/12/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XI) và Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh năm 2024 của tỉnh Đồng Nai và các nghị quyết khác của Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội năm 2024. Trong đó, báo cáo đầy đủ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đã được giao tại Nghị quyết nêu trên theo Đề cương báo cáo và mẫu Phụ lục kèm theo.

b) UBND các huyện, thành phố đánh giá theo các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ và HĐND thành phố, huyện về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024.

2. Nội dung kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 xây dựng trong bối cảnh khó khăn và thuận lợi đan xen. Tình hình thế giới dự báo tiếp tục chuyển biến nhanh, khó lường. Kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm lại, còn đối mặt với nhiều rủi ro, thách thức. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trên thế giới, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển bền vững dựa trên khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo phát triển mạnh mẽ, ngày càng trở thành xu thế rõ nét, đem lại cả thách thức và thời cơ, đặt ra nhiều yêu cầu mới. An ninh năng lượng, an ninh lương thực, thiên tai, biến đổi khí hậu... ngày càng khó lường.

Trong nước và tỉnh, tình hình chính trị - xã hội tiếp tục ổn định, tình hình sản xuất, kinh doanh, đầu tư, xuất nhập khẩu... đã có chuyển biến, phục hồi rõ nét; đồng thời việc triển khai áp dụng và thực hiện các chính sách được sửa đổi, bổ sung và ban hành từ đầu năm đến nay đã và đang phát huy tác động tích cực. Tuy nhiên, nền kinh tế đối mặt với ngày càng nhiều khó khăn, thách thức; các vấn đề về xã hội, môi trường như già hóa dân số, chênh lệch giàu nghèo, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu... gây áp lực lớn lên công tác điều hành kinh tế xã hội.

Trong bối cảnh đó, các sở, ban ngành, địa phương và doanh nghiệp nghiên cứu, xác định các vấn đề cơ bản của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, trong đó tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

a) Bối cảnh xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, bao gồm nhận định, phân tích những cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro của bối cảnh trong nước, khu vực và quốc tế tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; đặc biệt lưu ý những vấn đề như ảnh hưởng của xung đột quân sự Nga - Ucraina, dải Gaza, Biển Đỏ, tình hình lạm phát, điều chỉnh chính sách của các nền kinh tế lớn, biến động giá cả hàng hóa, nguyên vật liệu, xu hướng dịch chuyển dòng vốn, chuỗi cung ứng toàn cầu, các xu hướng chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, các vấn đề an ninh phi truyền thống như dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước, an ninh mạng... tác động trực tiếp, nhiều mặt đến tỉnh Đồng Nai...

b) Mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025.

c) Mục tiêu chủ yếu: Các sở, ban, ngành, địa phương và doanh nghiệp, căn cứ tình hình thực tế xây dựng tốc độ tăng trưởng của ngành, lĩnh vực và địa phương xây dựng phương án tăng trưởng hợp lý và phù hợp; một số chỉ tiêu cơ bản tại Phụ lục kèm theo và đề xuất một số chỉ tiêu cơ bản của sở, ban, ngành, địa phương và doanh nghiệp cho năm 2025.

d) Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu.

Các sở, ban, ngành và địa phương nghiên cứu, đề xuất các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu của năm 2025, bảo đảm thống nhất với nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của các kế hoạch 5 năm 2021 - 2025, mục tiêu tổng quát, mục tiêu chủ yếu của năm 2025, đồng thời phải phù hợp với điều kiện thực tiễn và trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương, gồm:

- Tập trung đẩy nhanh, quyết liệt, hiệu quả hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra trên các lĩnh vực theo Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021 - 2025, trong đó tập trung đẩy nhanh thực hiện các Chương trình, kế hoạch triển khai các nhiệm vụ đột phá.

- Đẩy mạnh việc xây dựng, hoàn thiện, rà soát chính sách pháp luật để tháo gỡ kịp thời các vướng mắc, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; quán triệt, tổ chức triển khai kịp thời, có hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật; kiểm soát chặt chẽ tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tiếp tục nâng cao chất lượng tăng trưởng; xây dựng, phát triển đô thị theo đúng định hướng, phù hợp với vị trí, chức năng của từng vùng.

- Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, tăng cường sức chống chịu của nền kinh tế, trong đó tập trung cơ cấu lại 03 lĩnh vực trọng tâm về đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức tín dụng. Cơ cấu lại các ngành sản xuất và dịch vụ theo hướng hiện đại, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả. Đẩy mạnh phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thương mại điện tử, ...

- Theo dõi sát diễn biến, tình hình kinh tế, giá cả, thị trường thế giới, khu vực, trong nước để kịp thời tham mưu UBND tỉnh có các giải pháp phù hợp, điều hành phát triển các ngành, lĩnh vực đồng bộ, linh hoạt và hiệu quả. Chỉ đạo các Ngân hàng Thương mại, các Tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh, tích cực đồng hành cùng doanh nghiệp và người dân về tín dụng, đặc biệt tín dụng ở các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực kinh doanh bất động sản, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng nền kinh tế theo chủ trương của Chính phủ. Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ thị trường trong nước, mở rộng thị trường xuất khẩu; đa dạng hóa thị trường, sản phẩm, các chuỗi cung ứng; phân đấu thắng dư thương mại bền vững.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các Chương trình của Chính phủ, Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết, Kết luận, Chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về: tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; quản lý và sử dụng đất; nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới; tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ các định hướng, nhiệm vụ giải pháp các quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đẩy nhanh tiến độ phối hợp thực hiện các nhiệm vụ tỉnh Đồng Nai được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ, ngành Trung ương giao đối với các dự án, công trình trọng điểm quốc gia, nhất là các công trình hạ tầng giao thông trọng điểm quốc gia có tính liên vùng của tỉnh, như dự án Đường Vành Đai 3, dự án Cao tốc Biên Hòa - Vũng tàu. Đồng thời, tập trung thực hiện các dự án công trình, trọng điểm của tỉnh, đặc biệt là các dự án chống ngập, các dự án cấp nước,... Tiếp tục phát triển hạ tầng số, hạ tầng thương mại điện tử, hạ tầng du lịch, hạ tầng nông nghiệp, nông thôn,...

- Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh; triển khai đồng bộ, hiệu quả quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm, cơ sở giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ, chú trọng đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật, công nghệ và các ngành mới như trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, chip bán dẫn,... có tiềm năng, lợi thế, tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

- Tiếp tục thực hiện xây dựng bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đi đôi với phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi cấp dưới gắn với trách nhiệm người đứng

đầu, tăng cường giám sát, kiểm tra. Đẩy mạnh hơn nữa công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí...; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; kiên quyết ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết công việc. Thực hiện nghiêm Quy định số 132-QĐ/TW ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

- Phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, tập trung nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của Nhân dân. Phát huy giá trị văn hóa và con người Đồng Nai trở thành nguồn lực, động lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội; chính sách hỗ trợ người dân, người lao động mất việc làm và doanh nghiệp gặp khó khăn. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, phúc lợi xã hội, giảm nghèo bền vững, chính sách an sinh xã hội, chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới, chính sách dân tộc, tôn giáo, nhất là đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa; đẩy mạnh việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Tập trung phát triển lĩnh vực văn hóa. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Nâng cao chất lượng các loại hình văn hóa, văn học nghệ thuật; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa theo hướng trọng tâm, trọng điểm gắn với phát triển du lịch. Đẩy mạnh việc phát triển du lịch gắn với các đô thị, khu sinh thái, du lịch văn hóa, cộng đồng. Tiếp tục xây dựng, triển khai hệ giá trị quốc gia văn hóa, gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam thời kỳ mới. Đẩy mạnh phát triển thể thao quần chúng, tập trung phát triển thể thao chuyên nghiệp, thể thao thành tích cao.

- Tăng cường phòng chống thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước, giảm thiểu tác động tiêu cực của hạn hán, xâm nhập mặn. Chủ động xây dựng kế hoạch, phương án điều tiết, bảo đảm đủ nước cho sản xuất nông nghiệp. Tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường; thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

- củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; ổn định chính trị - xã hội và an toàn, an ninh cho nhân dân; tích cực, chủ động triển khai đồng bộ, toàn diện các hoạt động đối ngoại.

B. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2025-2027

Năm 2025 là năm quyết định hoàn thành việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội và tài chính - ngân sách 05 năm 2021-2025. Theo đó, mục tiêu cho công tác xây dựng dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2025 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2025-2027 là: Xây dựng và tổ chức điều hành chính sách tài khóa chủ động, linh hoạt, có trọng tâm, trọng điểm, góp phần ổn

định kinh tế, đẩy nhanh thực hiện các công trình đầu tư hạ tầng quan trọng, kết nối vùng và liên vùng, tạo nền tảng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đảm bảo nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ chính trị quan trọng của tỉnh, các ưu tiên phát triển kinh tế xã hội nhằm thực hiện cao nhất các mục tiêu kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 và tạo tiền đề thuận lợi cho giai đoạn tiếp theo.

Nhiệm vụ xây dựng dự toán NSNN năm 2025 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024 - 2026 cần tập trung vào những nội dung trọng tâm sau:

I. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

1. Đối với dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2025

Dự toán thu NSNN năm 2025 phải được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, đảm bảo thu đúng, thu đủ và kịp thời các nguồn thu của NSNN, đi đôi với phân tích, dự báo tình hình kinh tế, tài chính thế giới và trong nước để đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2024 cũng như dự toán năm 2025. Tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách pháp luật về hỗ trợ thuế, phí, lệ phí và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế; tăng, giảm thu ngân sách khi Chính phủ thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết với nhà đầu tư nước ngoài cũng như việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu. Tiếp tục quyết liệt thực hiện các biện pháp cải cách hành chính, hiện đại hoá công tác quản lý thu; tăng cường công tác quản lý, chống thất thu, nhất là chống thất thu thuế trong kinh doanh, chuyển nhượng bất động sản; quản lý có hiệu quả các nguồn thu mới phát sinh trong điều kiện phát triển kinh tế số, giao dịch điện tử xuyên biên giới; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra thuế, chống chuyển giá, trốn thuế, gian lận thuế, quyết liệt xử lý nợ đọng thuế và kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế.

Phần đầu dự toán thu nội địa năm 2025 không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế và chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước bình quân cả nước tăng khoảng 5-7% so với đánh giá ước thực hiện năm 2024 (đã loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách), mức tăng trưởng tại từng địa phương phù hợp với tăng trưởng kinh tế và nguồn thu phát sinh tại từng địa bàn trên cơ sở có tính đến cả yếu tố tăng cường quản lý thu, chống thất thu và thu hồi nợ thuế. Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu năm 2025 tăng bình quân khoảng 4-6% so với đánh giá ước thực hiện năm 2024.

Toàn bộ số thu sắp xếp lại, xử lý tài sản công (trong đó có nhà, đất), số thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng và số thu từ khai thác quỹ đất, mặt nước (sau khi trừ đi các chi phí có liên quan) phải được lập dự toán đầy đủ và thực hiện nộp NSNN theo đúng quy định của pháp luật.

Thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp được thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn thu từ

chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp.

2. Đối với dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025

Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2025 đảm bảo các quy định của pháp luật; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển, chi thường xuyên NSNN được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngân sách theo Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị, gắn với việc đẩy mạnh sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, đầu mối khu vực sự nghiệp công lập theo các Nghị quyết số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII), Kết luận số 28-KL/TW ngày 21 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (Kết luận số 28-KL/TW) và Kết luận số 40-KL/TW ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026 (Kết luận số 40-KL/TW). Tiếp tục thực hiện các giải pháp để tạo nguồn cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội theo các Nghị quyết số 27-NQ/TW; Kinh phí về chế độ tiền lương mới, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

Bảo đảm nguồn lực để tiếp tục triển khai chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội theo các Nghị quyết số 27-NQ/TW, Nghị quyết số 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII) và Nghị quyết số 104/2023/QH15 của Quốc hội khóa XV.

Quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ thống nhất từ khâu lập dự toán đến triển khai phân bổ, quản lý, sử dụng NSNN; xây dựng dự toán sát khả năng thực hiện phân bổ trước ngày 31 tháng 12, hạn chế tối đa việc hủy dự toán và chuyển nguồn sang năm sau. Chủ động rà soát các chính sách, nhiệm vụ trùng lặp, sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi thực hiện theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2025. Chỉ trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi cân đối được nguồn thực hiện. Sử dụng hiệu quả nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Trong đó, lưu ý một số nội dung sau:

a) Về chi đầu tư phát triển

- Bám sát, cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, định hướng trọng tâm, nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên, bảo đảm cơ cấu đầu tư hài hòa, hợp lý, hiệu quả giữa các vùng, miền, lĩnh vực, vừa gia tăng động lực tăng trưởng, vừa bảo đảm an sinh xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh đất nước.

- Xây dựng kế hoạch phải phù hợp với các quy định của pháp luật và khả năng cân đối của NSNN trong năm; phù hợp với phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2021-2025, kế hoạch và tiến độ triển khai các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch Tài chính quốc gia, vay và trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021 - 2025.

- Kế hoạch đầu tư công vốn NSNN năm 2025 bố trí cho các nhiệm vụ, dự án phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân của từng dự án, bảo đảm phân bổ, giao chi tiết cho dự án trước ngày 31 tháng 12 năm 2024; khắc phục tình trạng phân bổ vốn manh mún, dàn trải, kém hiệu quả, giao vốn nhưng không phân bổ hết nguồn vốn được giao, đảm bảo tiến độ phân bổ, giao kế hoạch chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án theo đúng quy định.

- Bố trí vốn theo đúng thứ tự ưu tiên quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025. Cụ thể:

(i) Bố trí đủ vốn để thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi toàn bộ số vốn ứng trước theo quy định của pháp luật (nếu có);

(ii) Bố trí đủ vốn để hoàn trả cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển KTXH theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

(iii) Bố trí đủ vốn từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2021, 2022, 2023 cho các nhiệm vụ, dự án được cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng nguồn vốn này;

(iv) Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2025, các dự án hoàn thành năm 2025, vốn tham gia vào các dự án PPP, vốn cho các dự án chuyển tiếp theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

(v) Bố trí vốn cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ cấp bù lãi suất, phí quản lý, cấp vốn điều lệ cho ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách;

(vi) Bố trí vốn theo tiến độ cho các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, dự án kết nối, có tác động lan tỏa, liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển KTXH nhanh, bền vững theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

(vii) Đối với vốn nước ngoài, số vốn bố trí phải phù hợp với nội dung của Hiệp định, cam kết với nhà tài trợ; ưu tiên bố trí đủ vốn cho các dự án kết thúc hiệp định vay nước ngoài trong năm 2025 và không có khả năng gia hạn.

(viii) Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, số vốn còn lại bố trí cho các dự án khởi công mới đủ thủ tục đầu tư.

b) Đối với các khoản chi thực hiện các nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng và mua sắm

tài sản, trang thiết bị máy móc: thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ sau khi được ban hành.

c) Về chi NSNN cho các nhiệm vụ theo Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp: thực hiện theo quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp.

d) Các nhiệm vụ chi đầu tư từ nguồn xử lý, sắp xếp nhà đất của Bộ, cơ quan trung ương lập dự toán theo đúng quy định, nguyên tắc, tiêu chí đầu tư tổng hợp báo cáo cấp thẩm quyền. Cơ quan, đơn vị có dự án đầu tư từ nguồn xử lý, sắp xếp nhà đất của Bộ, cơ quan trung ương thực hiện tổng hợp vào dự toán ngân sách các nhiệm vụ chi liên quan đến chi đầu tư nguồn xử lý, sắp xếp nhà đất của Bộ, cơ quan trung ương theo quy định (nếu có).

đ) Đẩy mạnh sắp xếp bộ máy theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (Khóa XII) gắn với thực hiện hiệu quả lộ trình tinh giản biên chế và giảm quỹ lương tương ứng với giảm biên chế hành chính theo Kết luận số 28-KL/TW và Kết luận số 40-KL/TW của Bộ Chính trị; đảm bảo thực hiện nghiêm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, kiên quyết cắt giảm các khoản chi thường xuyên không thực sự cần thiết, cấp bách như: đoàn ra, đoàn vào, khánh tiết, hội thảo, hội nghị; hạn chế tối đa mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền, tiếp tục thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công theo quy định.

e) Đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập, xây dựng dự toán chi đối với đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở định hướng tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII và các văn bản pháp luật, văn bản hướng dẫn về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên thuộc các bộ, cơ quan trung ương tiếp tục xây dựng dự toán chi NSNN năm 2025 giảm tối thiểu 3% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN so với dự toán năm 2024, giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN theo đúng Nghị quyết số 19-NQ/TW; các đơn vị sự nghiệp công lập do NSNN bảo đảm chi thường xuyên thuộc các bộ, cơ quan trung ương giảm tối thiểu 2% chi trực tiếp từ NSNN so với dự toán năm 2024 trừ các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu do NSNN đảm bảo.

g) Đối với các cơ quan, đơn vị đang áp dụng cơ chế tài chính đặc thù:

Từ năm ngân sách 2025, các cơ quan, đơn vị quản lý hành chính nhà nước không còn được áp dụng cơ chế tài chính đặc thù về tiền lương, phụ cấp, thu nhập và kinh phí thường xuyên. Các đơn vị lập dự toán thu, chi năm 2025 trên cơ sở quyết định của cấp thẩm quyền về cơ chế tài chính áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 và cho năm 2025, phù hợp với Nghị quyết số 104/2023/QH15 của Quốc hội về dự toán NSNN năm 2024.

h) Đối với dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ, các nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên khác: Các cơ quan cấp tỉnh và địa phương hướng dẫn lập, tổng hợp dự toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

i) Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung các chương trình mục tiêu quốc gia theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền, văn bản hướng dẫn của cơ quan chức năng, khả năng triển khai thực hiện trong năm 2024, lũy kế số đã thực hiện 04 năm 2021-2024, số kiểm tra đã được thông báo và cơ chế tài chính thực hiện đã được phê duyệt, các sở ngành của tỉnh chủ quản các chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2025 của từng chương trình chi tiết theo Sở ngành, vốn đầu tư phát triển, kinh phí thường xuyên theo từng lĩnh vực chi NSNN, theo từng dự án, tiểu dự án, nội dung hoạt động, nội dung thành phần của chương trình mục tiêu quốc gia theo đúng quy định. Trên cơ sở đó tổng hợp, đánh giá việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, thể hiện rõ các kết quả, tồn tại, vướng mắc và nguyên nhân.

k) Chi viện trợ từ nguồn NSNN phải phù hợp với mục tiêu, kế hoạch thỏa thuận, hợp tác hàng năm và hiệp định hợp tác song phương cả giai đoạn 2021-2025 với các nước nhận vốn viện trợ của Việt Nam (nếu có) và khả năng cân đối NSNN năm 2024, tổng mức viện trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tiến độ triển khai chương trình, dự án sử dụng vốn viện trợ, khả năng phát sinh các khoản viện trợ đột xuất trong năm.

3. Đối với vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài cho Việt Nam thuộc nguồn thu NSNN

Việc xây dựng dự toán thu/chi NSNN năm 2025 đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài cần căn cứ và bám sát vào tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2024; hồ sơ, văn kiện khoản viện trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; cam kết với nhà tài trợ nước ngoài, tiến độ triển khai thực tế của các khoản viện trợ, khả năng phát sinh và thực hiện các khoản viện trợ mới trong năm, hạn chế tình trạng thiếu dự toán dẫn đến phải trình cấp thẩm quyền bổ sung hoặc thực hiện không hết dẫn đến phải hủy dự toán hoặc chuyển nguồn. Quá trình xây dựng dự toán thu/chi NSNN đối với vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài cần phân định rõ tính chất chi đầu tư và chi thường xuyên để đáp ứng các yêu cầu quản lý.

4. Xây dựng dự toán Ngân sách địa phương

Ngoài thực hiện theo đúng các yêu cầu tại các điểm 1, 2 mục I, phần B của Chỉ thị này, việc xây dựng dự toán NSDP các cấp năm 2025 còn phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

Các địa phương xây dựng dự toán trên cơ sở tổng hợp toàn bộ các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác trên địa bàn theo quy định tại Điều 7 của Luật NSNN và các quy định pháp luật có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện) chỉ đạo các cơ quan tài chính,

thuế, phối hợp với các cơ quan liên quan chấp hành nghiêm việc lập dự toán thu ngân sách và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh trong việc xây dựng dự toán thu NSNN.

Yêu cầu lập dự toán thu NSNN tích cực, sát thực tế, tổng hợp đầy đủ các khoản thu mới phát sinh trên địa bàn để tính đúng, tính đủ nguồn thu, không dành dư địa để địa phương giao chỉ tiêu phần đầu thu; phân tích đánh giá cụ thể những tác động ảnh hưởng đến dự toán thu NSNN năm 2024 theo từng địa bàn, lĩnh vực thu, khoản thu, sắc thuế, trong đó tập trung đánh giá ảnh hưởng nguồn thu do ảnh hưởng của dịch bệnh, thiên tai, tác động ngân sách do thực hiện các chính sách gia hạn, miễn, giảm thuế.

Căn cứ tỷ lệ phân chia các khoản thu phân chia đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua để xác định dự toán thu ngân sách được hưởng năm 2024 của ngân sách từng cấp chính quyền địa phương đảm bảo đúng quy định Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn liên quan.

b) Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương:

Ủy ban nhân dân các cấp chủ động xây dựng dự toán chi NSDP trên cơ sở nguồn thu NSDP được hưởng theo phân cấp tại điểm a nêu trên, số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên xác định bằng số được giao năm 2024 (nếu có), số bổ sung từ ngân sách cấp trên để thực hiện cải cách tiền lương năm 2025 sau khi đã sử dụng nguồn cải cách tiền lương theo quy định (nếu có). Căn cứ mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các giai đoạn 2021-2025, trong đó bám sát vào mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 của địa phương; ước thực hiện các nhiệm vụ thu - chi ngân sách của địa phương năm 2024 để xây dựng dự toán chi NSDP chi tiết từng lĩnh vực chi theo quy định của Luật NSNN, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ đã cam kết, chế độ chính sách đã ban hành.

c) Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết: Các địa phương bố trí toàn bộ cho chi đầu tư phát triển; trong đó, ưu tiên đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo và giáo dục nghề nghiệp (bao gồm cả mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông), lĩnh vực y tế; phần còn lại ưu tiên bố trí thực hiện các nhiệm vụ đầu tư phát triển quan trọng, cấp bách khác thuộc đối tượng đầu tư của NSDP.

d) Đối với bội chi, vay và trả nợ của NSDP:

Địa phương chỉ được phép đề xuất mức bội chi ngân sách cấp tỉnh khi đáp ứng đủ các quy định và điều kiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn. Đồng thời, thực hiện đánh giá đầy đủ tác động của nợ ngân sách địa phương, nhu cầu huy động vốn cho đầu tư phát triển và khả năng trả nợ trong trung hạn của ngân sách địa phương trước khi đề xuất các khoản vay mới.

Đối với các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, các địa phương chủ động phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương có liên quan để hoàn thiện các thủ tục, ký kết, bổ sung vào kế hoạch trung hạn theo

quy định, để làm cơ sở bố trí kế hoạch vốn trong dự toán năm 2025; dự kiến khả năng giải ngân của từng khoản vay để xây dựng kế hoạch vay nợ và bội chi NSDP cho phù hợp.

Các địa phương chủ động bố trí nguồn để trả nợ đầy đủ các khoản nợ (cả gốc và lãi) đến hạn, đặc biệt là các khoản vay từ nguồn Chính phủ vay nước ngoài về cho vay lại.

II. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2025-2027

Trên cơ sở triển khai thực hiện các quy định về tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới các đơn vị sự nghiệp công lập; cải cách tiền lương và bảo hiểm xã hội; căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn, Kế hoạch tài chính, vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025 quốc gia và địa phương trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định; Nghị quyết số 104/2023/QH15; dự toán năm 2025 và tạm giả định các quy định trong thời kỳ ổn định hiện hành.

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và đầu tư lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2025-2027 và chương trình quản lý nợ 03 năm cấp quốc gia, cấp tỉnh; trong đó, giả định năm 2027 là năm tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách hiện hành của giai đoạn 2021-2025 và các cơ chế, chính sách mới nếu đã xác định được.

2. Các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I ở cấp tỉnh lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2025-2027 thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp để tổng hợp theo quy định.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ và những quy định trong Chỉ thị này, ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về nội dung và tiến độ xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025.

2. Cục Thống kê

Chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ban, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 6 tháng đầu năm, 6 tháng cuối năm và dự ước cả năm 2024. Trên cơ sở đó xây dựng các chỉ tiêu này cho kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025.

Đối với chỉ tiêu GRDP của tỉnh, Cục Thống kê tỉnh chủ động phối hợp với các Sở ngành cung cấp kịp thời các thông tin về chỉ tiêu của ngành, lĩnh vực của tỉnh cho Tổng Cục Thống kê để phục vụ cho việc xây dựng kịch bản tăng trưởng kinh tế 6 tháng, năm và xây dựng của tỉnh.

3. Các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan

Các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 2024, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2025. Trong đó, lưu ý quá trình đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 2024 phải phối hợp chặt chẽ với Cục Thống kê tỉnh để rà soát, thống nhất về số liệu ước thực hiện năm 2024 làm cơ sở để xây dựng.

Các sở, ban ngành cấp tỉnh lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2025-2027 theo đúng quy định tại Chỉ thị này và hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.

4. Các Công ty, Tổng công ty có vốn nhà nước trực thuộc tỉnh: Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2024, dự kiến Kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2025 của đơn vị mình cho các cơ quan đại diện chủ sở hữu.

5. Tiến độ xây dựng kế hoạch

a) Trước ngày 12/7/2024, các sở, ban, ngành, các địa phương, cơ quan, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước gửi báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2024; xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, Kế hoạch đầu tư công năm 2025; gửi báo cáo đến Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp.

b) Trước ngày 22/7/2024: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2024; xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, Kế hoạch đầu tư công năm 2025; đồng thời, dự kiến phương án phân bổ các chỉ tiêu kế hoạch và ngân sách nhà nước báo cáo UBND tỉnh thông qua nội dung báo cáo Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước.

c) Từ tháng 9/2024 đến ngày 10/10/2024: Các sở, ban, ngành, địa phương căn cứ kết quả thực hiện 9 tháng và ước cả năm 2024 để rà soát, bổ sung các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2024 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư. Căn cứ theo Thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về dự kiến tổng mức kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 của tỉnh; dự kiến kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ, vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương có mục tiêu để phân bổ chi tiết cho các dự án cụ thể, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính, các đơn vị liên quan hoàn chỉnh báo cáo UBND tỉnh **trước ngày 25/10/2024** để xem xét trình HĐND tỉnh.

d) Sau khi nhận được Quyết định giao Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương cho địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính hoàn chỉnh kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến, hoàn chỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua làm cơ sở giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 vào tháng 12/2024.

đ) Trước ngày 31 tháng 12 năm trước, các đơn vị dự toán cấp I ở tỉnh và địa phương phải hoàn thành việc phân bổ và giao dự toán ngân sách nhà nước cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc và cấp dưới.

II. ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2025-2027

1. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn cụ thể về nội dung, tiến độ xây dựng Dự toán NSNN năm 2025, Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2025-2027 và Kế hoạch đầu tư công năm 2025 phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công.

2. Sở Nội vụ, các cơ quan cấp tỉnh và địa phương khẩn trương xác định biên chế năm 2025 của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập, các hội thuộc phạm vi quản lý làm cơ sở đề xuất dự toán NSNN năm 2025 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2025-2027, gửi Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc các sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (hoặc Giám đốc) các doanh nghiệp nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm Chỉ thị này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KHĐT, Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Kiểm toán khu vực III;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND Tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các doanh nghiệp Nhà nước;
- Chánh - Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, THNC (các phòng).



Q. CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức

Phụ lục

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH THEO NGHỊ QUYẾT TỈNH ỦY, HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NĂM 2024; DỰ KIẾN CHỈ TIÊU NĂM 2025

(Kèm theo Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai)

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024					Dự kiến năm 2025	Cơ quan bảo bảo	
			Mục tiêu	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	Ước thực hiện năm 2024	So sánh với mục tiêu Nghị quyết (%)	Đánh giá			
I	Về kinh tế (05 chỉ tiêu)									
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) tăng so với năm 2023	%	6,5-7,0						Cục Thống kê tỉnh	
2	GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành) đạt	Triệu đồng/người	148						Cục Thống kê tỉnh	
3	Kim ngạch xuất khẩu tăng so với năm 2023	%	8.0						Sở Công thương, Cục Thống kê tỉnh	
4	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng	1.000 tỷ đồng	124						Cục Thống kê tỉnh	
5	Tổng thu ngân sách	Tỷ đồng	Đạt dự toán được giao						Sở Tài chính	
II	Về môi trường (04 chỉ tiêu)									
6	Phân loại và xử lý rác thải sinh hoạt tại nguồn, trong đó:								Sở Tài nguyên và Môi trường	
	Ở các hộ gia đình đạt	%	20							
	Ở cơ quan đơn vị đạt	%	100							
	Thu gom và xử lý chất thải y tế	%	100							
	Thu gom và xử lý chất thải nguy hại	%	100							

		Năm 2024								
7	Thu gom và xử lý chất thải công nghiệp không nguy hại	%	100							Sở Tài nguyên và Môi trường
	Thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	%	100							
8	Tỷ lệ các khu công nghiệp đang hoạt động trên địa bàn có trạm xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn môi trường	%	100							Sở Tài nguyên và Môi trường
	Tỷ lệ khu công nghiệp có nước thải ổn định được lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, hoạt động hiệu quả đạt yêu cầu theo quy định	%	100							
9	Duy trì tỷ lệ che phủ cây xanh	%	52							Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
	Duy trì tỷ lệ che phủ của rừng	%	28,3							
III Về an sinh - xã hội (13 chỉ tiêu)										
10	Phần đầu trong năm 2024 toàn tỉnh có thêm:									Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
	Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Xã	Ít nhất 4							
	Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	Xã	3							
	Huyện hoàn thành nông thôn mới nâng cao	Huyện	2							
11	Giảm tỷ lệ hộ nghèo A/ tổng số hộ nghèo A	%	35							Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
12	Tỷ lệ lao động không có việc làm ở khu vực thành thị ở mức	%	Dưới 2%							
13	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn đủ điều kiện khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế đạt	%	91.2							Sở Y tế
	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sĩ làm việc	%	100							
14	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cân nặng theo độ tuổi giảm	%	7.6							Sở Y tế

			Năm 2024							
15	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng chiều cao theo độ tuổi giảm	%	20.5						Sở Y tế	
16	Số Bác sỹ/ vạn dân	Bác sỹ	9.7						Sở Y tế	
	Số giường bệnh/vạn dân	Giường	30							
17	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	94						Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Y tế	
18	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt	%	53						Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	
19	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp đạt	%	49							
20	Hoàn thành và đưa vào sử dụng nhà ở xã hội	Căn	715						Sở Xây dựng	
21	Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch đạt chuẩn									
	Dân số đô thị đạt	%	89						Sở Xây dựng	
	Dân số nông thôn đạt	%	84.5						Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	
22	Phần đầu tỷ lệ cai nghiện ma túy tập trung đạt	%	7,5						Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	
	Phần đầu tỷ lệ cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng đạt	%	11							
	Phần đầu tỷ lệ cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy đạt	%	6,5							
IV	Các chỉ tiêu văn hóa, giáo dục-đào tạo (03 chỉ tiêu)									
	Tỷ lệ ấp (Khu phố) đạt chuẩn văn hóa	%	Trên 90							
	Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa	%	Trên 90							

		Năm 2024						
23	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa	%	Tên 98					Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
	Tỷ lệ doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	%	Tên 75					
	Tỷ lệ thiết chế văn hóa cấp huyện và cấp xã hoạt động hiệu quả	%	100					
	Tỷ lệ nhà văn hóa ấp (khu phố) hoạt động hiệu quả	%	90					
24	Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề	%	68,5					Sở Lao động, Thương binh và Xã hội
	Tỷ lệ tuyển sinh đào tạo từ trung cấp nghề trở lên trên tổng số người được tuyển sinh trong năm	%	27,3					
25	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ đạt	%	23					Cục Thống kê
V Về quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội (07 chỉ tiêu)								
26	Hoàn thành chỉ tiêu giao quân do Quân khu giao	Hoàn thành	Hoàn thành					Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
27	Hoàn thành chỉ tiêu bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng theo kế hoạch	Hoàn thành	Hoàn thành					
28	Không để xảy ra điểm nóng về an ninh, trật tự, khủng bố, phá hoại	Hoàn thành	Hoàn thành					Công an tỉnh
	Số vụ phạm tội về trật tự xã hội	Số vụ	Phần đầu kéo giảm số vụ về trật tự xã hội; kiểm chế làm giảm số vụ tại					
	Số vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng	Số vụ						

29			Năm 2024					Công an tỉnh
	Số vụ cháy nổ lớn	Số vụ	nạn giao thông nghiêm trọng và cháy nổ lớn và phát hiện số vụ ma túy theo Nghị quyết của Đảng ủy Công an Trung ương.					
30	Phát hiện số vụ ma túy	Số vụ						Công an tỉnh
	Tin báo tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố được tiếp nhận, thụ lý, xử lý	%	100					
31	Tỷ lệ giải quyết đạt	%	trên 90					Công an tỉnh
	Tỷ lệ điều tra, khám phá án hình sự đạt	%	Trên 75%					
32	Trong đó án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng đạt	%	trên 90% tổng số án khởi tố					Công an tỉnh
	Chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án dân sự	Hoàn thành	Hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ thi hành án dân sự được Tổng Cục Thi hành án dân sự giao trong năm 2024					
								Cục Thi hành án Dân sự tỉnh